

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Núi Ngăm)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	108,187
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	909
1	Thu NSDP hưởng 100%	909
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	107,278
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75,358
2	Thu bổ sung có mục tiêu	31,920
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Thu huy động đóng góp	
B	TỔNG CHI NSDP	108,187
I	Tổng chi cân đối NSDP	78,911
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	77,087
3	Dự phòng ngân sách	1,824
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	29,276
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	20,156
1.1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	5,681
	Vốn đầu tư	
	Vốn sự nghiệp	5,681
1.2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	271
	Vốn đầu tư	
	Vốn sự nghiệp	271

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
1.3	CTMT quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số	14,204
	Vốn đầu tư	
	Vốn sự nghiệp	14,204
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	9,120
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	
I	Vay để bù đắp bội chi	
II	Vay để trả nợ gốc	

Ghi chú:

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Núi Ngăm)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	3
A	NGÂN SÁCH CẤP XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	108,187
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	909
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	107,278
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75,358
-	Thu bổ sung có mục tiêu	31,920
3	Thu đóng góp XD cơ sở HT	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	108,187
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	108,187
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (1)	

Ghi chú:

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
-----	----------	------------------

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Núi Ngăm)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	1,071	909
I	Thu nội địa	1,071	909
1	Thu thuế ngoài quốc doanh	8	8
2.1	- Thuế GTGT	8	8
2.2	- Thuế TNDN	-	-
2.4	- Thuế TTDB	-	-
3	Lệ phí trước bạ	530	530
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4	4
5	Thuế thu nhập cá nhân	190	190
6	Phí, lệ phí	280	167
	+ Ngân sách Trung ương hưởng	113	
	+ Ngân sách phường hưởng	167	167
7	Thu tiền sử dụng đất, ĐGD	-	-
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	-	-
9	Thu khác ngân sách	59	10
	+ Ngân sách Trung ương hưởng	49	
	+ Ngân sách phường hưởng	10	10
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
IV	Thu viện trợ		

Ghi chú:

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI
NĂM 2025**

(Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Núi Ngăm)

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp xã
A	B	1	2
	TỔNG CHI NSDP	108,187	108,187
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	78,911	78,911
I	Chi đầu tư phát triển (1)	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	-	-
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	-	-
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	-	-
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	-	-
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	-	-
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	-	-
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất		
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	
II	Chi thường xuyên	77,087	77,087
	<i>Trong đó:</i>	-	
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	40,262	40,262
2	<i>Chi khoa học và công nghệ (2)</i>		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	
V	Dự phòng ngân sách	1,824	1,824
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, TK 10% chi TX	-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	29,276	29,276
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	20,156	20,156
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững	5,681	5,681

-	Vốn đầu tư	-	
-	Vốn sự nghiệp	5,681	5,681
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	271	271
-	Vốn đầu tư	-	
-	Vốn sự nghiệp	271	271
3	CTMT quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số	14,204	14,204
-	Vốn đầu tư	-	
-	Vốn sự nghiệp	14,204	14,204

ĐẠI TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG NĂM 2025
(Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND xã Núi Ngang)

Biểu số 91/CK-NSNN

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM						Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số								
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước							
A	B	1=+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18=19+22	19=20+21	20	21	22=23+24	23	24
TỔNG SỐ		20,156	0	20,156	5,681	0	0	0	5,681	5,681	0	271	0	0	0	271	271	0	13,962	0	0	0	14,284	14,284	0
1	Phòng Kinh tế	18,753	0	18,753	5,066	0			5,066	5,066		250	0			250	250		13,437	0			13,437	13,437	
2	MTTQ xã	242		242															242				242	242	
3	Phòng Văn Hóa-xã hội	1,161		1,161	615	0			615	615		21	0	0		21	21		525				525	525	